

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4603 /TCT-CS
V/v: chính sách thuế tài nguyên

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Bình Dương.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 3657/CTBDU-NVDTPC ngày 23/8/2023 của Cục Thuế tỉnh Bình Dương báo cáo và kiến nghị về nội dung khởi kiện liên quan đến thuế tài nguyên đối với sản phẩm đá xây dựng của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 4 Điều 4 Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 4 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ);

- Căn cứ Điều 5, Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

- Căn cứ khoản 5 Điều 55, khoản 3 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

Liên quan đến việc kê khai nộp thuế tài nguyên, việc xác định các sản phẩm đá xây dựng của CTCP Xây dựng Bình Dương có phải là sản phẩm công nghiệp hay không, Tổng cục Thuế đã có các văn bản số 4629/TCT-CS ngày 22/11/2018, số 5423/TCT-CS ngày 21/12/2020 và số 1649/TCT-CS ngày 18/5/2022 trả lời Cục Thuế tỉnh Bình Dương và Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương (bản photocopy kèm theo).

Theo quy định tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính, phương pháp xác định giá tính thuế tài nguyên trên cơ sở giá bán sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến trừ chi phí chế biến phát sinh của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp chỉ áp dụng trong trường hợp sản phẩm chế biến được Bộ quản lý chuyên ngành xác định là sản phẩm công nghiệp, không quy định áp dụng Danh mục hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam. Đối với sản phẩm đá sau chế biến, đến nay, Tổng cục Thuế chưa nhận được văn bản nào của Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành xác định đá sau khi nghiền, đập là sản phẩm công nghiệp.

Đề nghị Cục Thuế tỉnh Bình Dương căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan, cung cấp hồ sơ cụ thể của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương để

có ý kiến với Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đối với vụ kiện của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương theo đúng quy định.

Tổng cục Thuế trả lời để Cục Thuế tỉnh Bình Dương được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TCTr Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Vụ Pháp chế (TCT);
- Website TCT;
- Lưu: VT, CS.

(4, 3)

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH**



Hoàng Thị Hà Giang



**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5423** /TCT-CS

Hà Nội, ngày **21** tháng **12** năm 2020

V/v: xác định chi phí chế biến tính
thuế tài nguyên đối với sản phẩm
đá xây dựng.

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Bình Dương

Trả lời công văn số 11175/CT-TTKT5 ngày 21/5/2020 của Cục Thuế tỉnh Bình Dương về hướng dẫn xác định giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm đá xây dựng đã qua chế biến, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 152/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên như sau:

“Điều 5. Sản lượng tài nguyên tính thuế

3. Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định như sau:

Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì sản lượng tài nguyên tính thuế là sản lượng tài nguyên khai thác được xác định bằng cách quy đổi từ sản lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ để bán ra theo định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm. Định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm do NNT kê khai căn cứ dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn công nghệ thiết kế để sản xuất sản phẩm đang ứng dụng, trong đó:

- Trường hợp sản phẩm bán ra là sản phẩm tài nguyên thì căn cứ định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm tài nguyên sản xuất bán ra.

- Trường hợp sản phẩm bán ra là sản phẩm công nghiệp thì căn cứ định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm công nghiệp sản xuất bán ra.

Việc xác định sản phẩm bán ra sau quá trình chế biến là sản phẩm công nghiệp hay không phải sản phẩm công nghiệp do Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo thẩm quyền.”

Tại khoản 3, khoản 5 Điều 6 Thông tư số 152/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên như sau:

“Điều 6. Giá tính thuế tài nguyên

...3. Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (bán trong nước hoặc xuất khẩu)

a) Trường hợp bán ra sản phẩm tài nguyên thì giá tính thuế là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên (trường hợp bán trong nước) tương ứng với sản lượng tài nguyên bán ra ghi trên chứng từ bán hàng hoặc trị giá hải quan của sản phẩm tài nguyên xuất khẩu (trường hợp xuất khẩu) không bao gồm thuế xuất khẩu tương ứng với sản lượng tài nguyên xuất khẩu ghi trên chứng từ xuất khẩu nhưng không thấp hơn giá tính thuế do UBND cấp tỉnh quy định.

Trị giá hải quan của sản phẩm tài nguyên xuất khẩu thực hiện theo quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu tại Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn thi hành và sửa đổi, bổ sung (nếu có)."

Căn cứ quy định nêu trên và hồ sơ gửi kèm thì Công ty khai thác sản phẩm đá xây dựng đưa vào công đoạn sản xuất, chế biến mới bán ra (đá 1x1, đá 1x2, đá 4x6,...) và đá sản phẩm sau quá trình sản xuất, chế biến chưa có xác định là sản phẩm công nghiệp của Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành nên không phải là sản phẩm được trừ chi phí theo quy định tại khoản 3 Điều 5, khoản 3, khoản 5 Điều 6 Thông tư số 152/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính. Ngoài ra, trả lời trường hợp tương tự, Tổng cục Thuế đã có Công văn số 4629/TCT-CS ngày 22/11/2018 trả lời Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương (bản photocopy gửi kèm).

Đề nghị Cục Thuế tỉnh Bình Dương căn cứ quy định nêu trên phối hợp với các cơ quan chức năng để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Tổng cục Thuế thông báo đề Cục Thuế tỉnh Bình Dương được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ CST, Vụ PC (BTC);
- Vụ Pháp chế (TCT);
- Lưu: VT, CS (3b).

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH**



Hoàng Thị Hà Giang

Số: 4629 /TCT-CS
V/v giá tính thuế tài nguyên.

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2018

Kính gửi: Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương.
(Đ/c: ĐT 747- P. Thái Hoà- Tân Uyên- Bình Dương)

Trả lời công văn số 36/XDBD-KT ngày 29/8/2018 của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương về xác định giá tính thuế tài nguyên, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại khoản 4, Điều 4 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, quy định:

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể giá tính thuế tài nguyên khai thác quy định tại Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều này.

Trường hợp tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì giá tính thuế tài nguyên khai thác được xác định căn cứ vào trị giá hải quan của sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến xuất khẩu hoặc giá bán sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và các chi phí có liên quan từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu xuất khẩu hoặc từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu bán tại thị trường trong nước.

Căn cứ giá tính thuế tài nguyên đã xác định để áp dụng sản lượng tính thuế đối với đơn vị tài nguyên tương ứng. Giá tính thuế đối với tài nguyên khai thác được xác định ở khâu nào thì sản lượng tính thuế tài nguyên áp dụng tại khâu đó ”

- Tại khoản 4, Điều 5 Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau quy định:

“4. Giá tính thuế tài nguyên tại Bảng giá tính thuế tài nguyên phải phù hợp với khung giá tính thuế tài nguyên và lớn hơn hoặc bằng mức giá tối thiểu của nhóm, loại tài nguyên tương ứng quy định tại Khung giá tính thuế tài nguyên.

Đối với loại tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến thành sản phẩm công nghiệp mới bán ra, giá tính thuế tài nguyên khai thác là giá đã trừ đi chi phí chế biến theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính về thuế tài nguyên nhưng phải đảm bảo nằm trong Khung giá tính thuế tài nguyên.”

- Tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 152/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về sản lượng tài nguyên tính thuế như sau:

“3. Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định như sau:

Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì sản lượng tài nguyên tính thuế là sản lượng tài nguyên khai thác được xác định bằng cách quy đổi từ sản lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ để bán ra theo định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm. Định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm do NNT kê khai căn cứ dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn công nghệ thiết kế để sản xuất sản phẩm đang ứng dụng, trong đó:

- Trường hợp sản phẩm bán ra là sản phẩm tài nguyên thì căn cứ định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm tài nguyên sản xuất bán ra.

- Trường hợp sản phẩm bán ra là sản phẩm công nghiệp thì căn cứ định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm công nghiệp sản xuất bán ra.

Việc xác định sản phẩm bán ra sau quá trình chế biến là sản phẩm công nghiệp hay không phải sản phẩm công nghiệp do Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo thẩm quyền.”

- Tại khoản 3, khoản 5, Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về giá tính thuế tài nguyên quy định:

“Điều 6. Giá tính thuế tài nguyên

Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên của tổ chức, cá nhân khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng nhưng không được thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định; Trường hợp giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định thì tính thuế tài nguyên theo giá do UBND cấp tỉnh quy định.

Trường hợp sản phẩm tài nguyên được vận chuyển đi tiêu thụ, trong đó chi phí vận chuyển, giá bán sản phẩm tài nguyên được ghi nhận riêng trên hóa đơn thì giá tính thuế tài nguyên là giá bán sản phẩm tài nguyên không bao gồm chi phí vận chuyển.

... 3. Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (bán trong nước hoặc xuất khẩu)

a) Trường hợp bán ra sản phẩm tài nguyên thì giá tính thuế là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên (trường hợp bán trong nước) tương ứng với sản lượng tài nguyên bán ra ghi trên chứng từ bán hàng hoặc trị giá hải quan của sản phẩm tài nguyên xuất khẩu (trường hợp xuất khẩu) không bao gồm thuế xuất khẩu tương ứng với sản lượng tài nguyên xuất khẩu ghi trên chứng từ xuất khẩu nhưng không thấp hơn giá tính thuế do UBND cấp tỉnh quy định.

Trị giá hải quan của sản phẩm tài nguyên xuất khẩu thực hiện theo quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu tại Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn thi hành và sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Trường hợp bán ra sản phẩm công nghiệp thì giá tính thuế tài nguyên là giá bán sản phẩm công nghiệp trừ đi chi phí chế biến phát sinh của công đoạn

chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp nhưng không thấp hơn giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

Chi phí chế biến phát sinh của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp được trừ khi xác định giá tính thuế căn cứ công nghệ chế biến của doanh nghiệp theo Dự án đã được phê duyệt nhưng không bao gồm chi phí khai thác, sàng, tuyển, làm giàu hàm lượng.

c) Trường hợp giá tính thuế mà NNT xác định thấp hơn giá tính thuế tại Bảng giá do UBND cấp tỉnh quy định thì áp dụng giá tính thuế do UBND cấp tỉnh quy định; Trường hợp tại Bảng giá của UBND cấp tỉnh quy định chưa có giá đối với loại sản phẩm này thì cơ quan thuế phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện kiểm tra, ấn định theo pháp luật về quản lý thuế.

d) Trường hợp tài nguyên khai thác đưa vào chế biến, sản xuất sản phẩm và thu được sản phẩm tài nguyên đồng hành thì áp dụng giá tính thuế đơn vị tài nguyên theo từng trường hợp cụ thể nêu tại Điều này.

... 5. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên để thực hiện cho năm tiếp theo liên kế như sau:

5.1. Bảng giá tính thuế tài nguyên có các thông tin để làm cơ sở xác định thuế tài nguyên đối với hoạt động khai thác tài nguyên phát sinh trong tỉnh phù hợp với chính sách, pháp luật gồm: định mức sử dụng tài nguyên làm căn cứ quy đổi từ sản phẩm tài nguyên hoặc sản phẩm công nghiệp ra sản lượng tài nguyên khai thác có trong sản phẩm tài nguyên và sản phẩm công nghiệp; Giá tính thuế tài nguyên tương ứng với loại tài nguyên khai thác, sản phẩm tài nguyên sau khi chế biến, trong đó:

a) Định mức sử dụng tài nguyên làm căn cứ quy đổi từ sản phẩm tài nguyên hoặc sản phẩm công nghiệp ra sản lượng tài nguyên khai thác có trong sản phẩm tài nguyên và sản phẩm công nghiệp của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh được xác định căn cứ thực tế khai báo của doanh nghiệp nhưng phải phù hợp báo cáo thăm dò đánh giá của các cơ quan, tổ chức về hàm lượng, chất lượng, sản lượng của loại tài nguyên, phương pháp khai thác, tỷ lệ thu hồi tài nguyên tại địa bàn nơi có tài nguyên khai thác;

b) Giá tính thuế quy định tại Bảng giá là giá tài nguyên khai thác và giá sản phẩm tài nguyên tương ứng với tính chất của tài nguyên, sản phẩm tài nguyên khai thác, chế biến của các doanh nghiệp hoạt động trong địa bàn tỉnh, được xác định trên cơ sở các tài liệu, chứng từ, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp, tổ chức trong tỉnh về chất lượng, sản lượng của loại tài nguyên, giá sản phẩm tài nguyên bán ra tại thị trường địa phương và thị trường của địa phương lân cận, trừ trường hợp được quy định tại điểm c khoản 5 Điều này.

c) Giá tính thuế tài nguyên đối với trường hợp tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra được xác định như sau:

c1) Đối với trường hợp tài nguyên khai thác được đưa vào sản xuất, chế biến và bán ra sản phẩm tài nguyên thì giá tính thuế là giá bán sản phẩm tài nguyên không có thuế giá trị gia tăng (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan không bao gồm thuế xuất khẩu (đối với trường hợp xuất khẩu);

c2) Đối với trường hợp tài nguyên khai thác được đưa vào sản xuất, chế biến thành sản phẩm công nghiệp mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu): Giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp

tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp.

Chi phí chế biến được trừ quy định tại điểm c2 này phải căn cứ hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định căn cứ vào công nghệ chế biến theo Dự án đã được phê duyệt và kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác, chế biến tài nguyên trong địa bàn tỉnh nhưng không bao gồm chi phí khai thác, sàng, tuyển, làm giàu hàm lượng.

5.2. Giá tính thuế tài nguyên quy định tại Bảng giá phải phù hợp Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành.

5.3. Cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh phân công chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và trình UBND cấp tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên chậm nhất là ngày 31/12 để công bố áp dụng từ ngày 01/01 năm tiếp theo liền kề. Trong năm, khi giá bán của loại tài nguyên có biến động tăng hoặc giảm ngoài mức quy định tại Khung giá tính thuế của Bộ Tài chính thì thông báo để Bộ Tài chính điều chỉnh kịp thời.

5.4. Cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế tài nguyên niêm yết công khai Bảng giá tính thuế tài nguyên tại trụ sở cơ quan thuế và gửi về Tổng cục Thuế để xây dựng cơ sở dữ liệu về giá tính thuế tài nguyên."

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh khai thác đá sản xuất làm vật liệu xây dựng thông thường (không phải sản phẩm công nghiệp), khi bán ra, kê khai nộp thuế tài nguyên theo sản lượng tài nguyên tính thuế, áp dụng giá tính thuế tài nguyên đối với từng trường hợp nêu trên. Trường hợp giá tính thuế tài nguyên do đơn vị xác định thấp hơn giá tính thuế đơn vị tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định thì kê khai, nộp thuế tài nguyên theo giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định.

Tổng cục Thuế có ý kiến đề Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương được biết và liên hệ với cơ quan thuế tỉnh Bình Dương để được hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ PC- BTC;
- Cục Thuế tỉnh Bình Dương;
- Vụ PC-TCT; ✓
- Lưu: VT, CS (3b). 8

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Hoàng Thị Hà Giang



**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1649~~ /TCT-CS
V/v giá tính thuế tài nguyên.

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2022

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Bình Dương.

Trả lời Công văn số 3457/CTBDU-TTKT5 ngày 08/3/2022 của Cục Thuế tỉnh Bình Dương về xác định giá tính thuế tài nguyên đối với đá khai thác chế biến thành đá làm vật liệu xây dựng thông thường, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế quy định:

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể giá tính thuế tài nguyên khai thác quy định tại Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều này. Trường hợp tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì giá tính thuế tài nguyên khai thác được xác định căn cứ vào trị giá hải quan của sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến xuất khẩu hoặc giá bán sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và các chi phí có liên quan từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu xuất khẩu hoặc từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu bán tại thị trường trong nước.

Căn cứ giá tính thuế tài nguyên đã xác định để áp dụng sản lượng tính thuế đối với đơn vị tài nguyên tương ứng. Giá tính thuế đối với tài nguyên khai thác được xác định ở khâu nào thì sản lượng tính thuế tài nguyên áp dụng tại khâu đó.”

- Tại khoản 1, khoản 3 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên quy định:

“1. Đối với loại tài nguyên khai thác xác định được số lượng, trọng lượng hoặc khối lượng thì sản lượng tài nguyên tính thuế là số lượng, trọng lượng hoặc khối lượng của tài nguyên thực tế khai thác trong kỳ tính thuế.

Trường hợp tài nguyên khai thác thu được sản phẩm tài nguyên có nhiều cấp độ, chất lượng, giá trị thương mại khác nhau thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định theo sản lượng từng loại tài nguyên có cùng cấp độ, chất lượng, giá trị thương mại như nhau hoặc quy ra sản lượng của loại tài nguyên có sản lượng bán ra lớn nhất để làm căn cứ xác định sản lượng tính thuế cho toàn bộ sản lượng tài nguyên khai thác trong kỳ.

Ví dụ 1: Doanh nghiệp A khai thác đá sau nổ mìn, khai thác thu được đá hộc, đá dăm các ly khác nhau thì được phân loại theo từng cấp độ, chất lượng từng loại đá thu được để xác định sản lượng đá tính thuế của mỗi loại. Trường hợp, doanh nghiệp A có bán một phần sản lượng đá hộc, số đá hộc, đá dăm còn lại được đưa vào đập, nghiền thành các loại đá dăm có các cỡ (ly) khác nhau thì sản lượng tính thuế được xác định bằng cách quy từ sản lượng đá các cỡ (ly) ra sản lượng đá có sản lượng bán ra lớn nhất để xác định sản lượng đá thực tế khai thác để tính thuế tài nguyên. Doanh nghiệp A thực hiện khai, nộp thuế đối với sản lượng đá khai thác theo giá bán tương ứng.

... 3. Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định như sau:

Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì sản lượng tài nguyên tính thuế là sản lượng tài nguyên khai thác được xác định bằng cách quy đổi từ sản lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ để bán ra theo định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm. Định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm do người nộp thuế kê khai căn cứ dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn công nghệ thiết kế để sản xuất sản phẩm đang ứng dụng, trong đó:

- Trường hợp sản phẩm bán ra là sản phẩm tài nguyên thì căn cứ định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm tài nguyên sản xuất bán ra.

- Trường hợp sản phẩm bán ra là sản phẩm công nghiệp thì căn cứ định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm công nghiệp sản xuất bán ra.

Việc xác định sản phẩm bán ra sau quá trình chế biến là sản phẩm công nghiệp hay không phải sản phẩm công nghiệp do Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo thẩm quyền."

... "Điều 6. Giá tính thuế tài nguyên

Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên của tổ chức, cá nhân khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng nhưng không được thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định; Trường hợp giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định thì tính thuế tài nguyên theo giá do UBND cấp tỉnh quy định.

1. Đối với loại tài nguyên xác định được giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên: Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên có cùng phẩm cấp, chất lượng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và được áp dụng cho toàn bộ sản lượng tài nguyên khai thác trong tháng; Giá bán của một đơn vị tài nguyên được tính bằng tổng doanh thu (chưa có thuế GTGT) của loại

tài nguyên bán ra chia cho tổng sản lượng tài nguyên tương ứng bán ra trong tháng. ...”

Căn cứ các quy định nêu trên, ngày 21/12/2020 Tổng cục Thuế có công văn số 5423/TCT-CS trả lời công văn số 11175/CT-TTKT5 ngày 21/5/2020 của Cục Thuế tỉnh Bình Dương, công văn số 4629/TCT-CS ngày 22/11/2018 trả lời Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương, trong đó đề nghị Cục Thuế tỉnh Bình Dương phối hợp với các cơ quan chức năng để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật để xác định giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm đá khai thác đưa vào xay nghiền thành đá các ly mới bán ra theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Về văn bản số 8526/BKHĐT-KTCN ngày 06/12/2021 ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận: “... doanh nghiệp có sản phẩm thuộc 2 hoạt động sản xuất công nghiệp:

1. Sản phẩm đá hộc thuộc ngành Khai khoáng (B);
2. Sản phẩm đá dăm thuộc ngành Chế biến (C)

Trong trường hợp hoạt động sản xuất đá hộc và đá dăm diễn ra tại mỏ thì xếp chung vào sản phẩm ngành Khai khoáng.”; Theo đó, văn bản này chỉ xác nhận ngành nghề hoạt động, không phải là xác nhận của Bộ chuyên ngành về loại sản phẩm đá hộc, đá dăm có phải là sản phẩm công nghiệp hay không.

Tổng cục Thuế đề nghị Cục Thuế tỉnh Bình Dương căn cứ các quy định của pháp luật liên quan và hồ sơ cụ thể của doanh nghiệp để phối hợp các cơ quan chức năng xác định giá tính thuế tài nguyên đối với đá khai thác đưa vào chế biến thành đá các ly mới bán ra theo quy định của pháp luật.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế tỉnh Bình Dương được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Tổng cục trưởng Vũ Xuân Bách (để báo cáo);
- Vụ CST, PC (BTC);
- Vụ PC-TCT;
- Lưu: VT, CS.

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. ~~VỤ TRƯỞNG~~ VỤ CHÍNH SÁCH
PHÓ VỊ TRƯỞNG



Hoàng Thị Hà Giang